

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc điều chỉnh giá dịch vụ cảng biển tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

#### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (gọi tắt là Cảng Hải Phòng);

Căn cứ Quyết định số 66/2022/QĐ-CHP ngày 15/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển đối với các Chủ hàng và Chủ tàu vận tải nội địa (Biểu giá nội);

Xét đề nghị của Tổ nghiên cứu xây dựng các phương án giá thành, giá cước dịch vụ cảng biển của Cảng Hải Phòng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh một số giá dịch vụ đối với hàng container quy định tại Phần III điểm II của Biểu giá nội như sau:

**1. Giá dịch vụ xếp dỡ container (Biểu 9, 10):**

*Đơn vị tính: đồng/container*

TT	Loại container	Bãi ↔ Ô tô; Toa xe ↔ Ô tô	Bãi ↔ Toa xe; Toa xe ↔ Toa xe	
1	<b>Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ:</b>			
	Container ≤ 20'	- Có hàng	590.000	800.000
		- Rỗng	420.000	530.000
	Container 40'	- Có hàng	800.000	1.020.000
		- Rỗng	560.000	610.000
	Container > 40'	- Có hàng	880.000	1.080.000
- Rỗng		590.000	650.000	
2	<b>Chi nhánh Cảng Tân Vũ:</b>			
	Container ≤ 20'	- Có hàng	680.000	
		- Rỗng	460.000	
	Container 40'	- Có hàng	920.000	
		- Rỗng	660.000	
	Container > 40'	- Có hàng	1.020.000	
- Rỗng		700.000		

## 2. Giá dịch vụ đóng/rút container:

2.1. Hàng hoá (trừ hàng bao) trong container thông thường

Biểu 11:

*Đơn vị tính: đồng/container*

Loại container	Đóng/rút hàng từ container tại bãi Cảng lên Ô tô hoặc ngược lại	Đóng/rút hàng từ container tại bãi cảng lên Tàu, toa xe, sà lan, vào kho Cảng hoặc ngược lại	Đóng/rút hàng từ container tại bãi Cảng vào container tại bãi Cảng
Container ≤ 20':			
- Đóng hàng	980.000	1.470.000	1.800.000
- Rút hàng	1.200.000	1.800.000	
Container 40':			
- Đóng hàng	1.670.000	2.290.000	2.800.000
- Rút hàng	2.040.000	2.800.000	
Container > 40':			
- Đóng hàng	2.420.000	3.620.000	4.420.000
- Rút hàng	2.960.000	4.420.000	

2.2. Dịch vụ đóng/rút các loại hàng bao trong container thông thường và giá dịch vụ đóng/rút hàng hoá trong container lạnh:

Biểu 12:

*Đơn vị tính: đồng/container*

Loại container	Đóng/rút hàng từ container tại bãi Cảng lên Ô tô hoặc ngược lại	Đóng/rút hàng từ container tại bãi cảng lên Tàu, toa xe, sà lan, vào kho bãi Cảng hoặc ngược lại	Đóng/rút hàng từ container tại bãi Cảng vào container tại bãi Cảng
Container ≤ 20':			
- Đóng hàng	1.280.000	2.010.000	3.090.000
- Rút hàng	2.270.000	3.590.000	
Container 40':			
- Đóng hàng	2.320.000	3.140.000	4.840.000
- Rút hàng	4.110.000	5.590.000	
Container > 40':			
- Đóng hàng	3.330.000	4.940.000	7.690.000
- Rút hàng	5.960.000	8.850.000	

## 3. Dịch vụ phục vụ kiểm hoá, giám định, kiểm dịch hàng trong container, phục vụ đi soi container; phục vụ hun trùng; PTI:

3.1. Dịch vụ phục vụ kiểm hoá, giám định, kiểm dịch hàng trong container; phục vụ đi soi container tại máy soi trong Cảng:

*Đơn vị tính: đồng/container*

Loại container	Container thông thường	Container lạnh
Container ≤ 20'	1.030.000	2.070.000
Container ≥ 40'	1.480.000	2.950.000

3.2. Dịch vụ phục vụ hun trùng hàng trong container:

- Container ≤ 20': 1.670.000 đồng/container.
- Container ≥ 40': 2.360.000 đồng/container.

3.3. Dịch vụ PTI container lạnh:

- Dịch vụ phục vụ Chủ tàu/Chủ hàng nâng/hạ, chuyển container lạnh ra khu vực có điện trong Cảng để Chủ tàu/Chủ hàng kiểm tra container lạnh trước khi giao cho Chủ hàng đi đóng hàng:

- + Container ≤ 20': 820.000 đồng/container.
- + Container ≥ 40': 1.170.000 đồng/container.

- Dịch vụ nâng/hạ đảo chuyển container, cắm điện và kiểm tra tình trạng kỹ thuật container lạnh:

- + Container ≤ 20': 720.000 đồng/container.
- + Container ≥ 40': 1.100.000 đồng/container.

4. Các dịch vụ khác: Áp dụng theo Quyết định số 66/2022/QĐ-CHP ngày 15/12/2021.

**Điều 3.** Giá quy định tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực thực hiện từ ngày 20/5/2022, thay thế các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 5.** Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Giám đốc các Chi nhánh Công ty, Trưởng các phòng, Trưởng Trung tâm liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi ủy quyền để thực hiện. Trường hợp phát sinh ngoài quy định, các đơn vị có ý kiến gửi về phòng Kinh doanh báo cáo xin ý kiến Tổng Giám đốc trước khi thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Như điều 5;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài Chính;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Tổng Cty Hàng hải Việt Nam; } (để b/c);
- HĐQT Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Ban KS, Ban KTNB Công ty;
- Website: www.haiphongport.com.vn;
- Lưu: VT, KD.



**Nguyễn Tường Anh**

